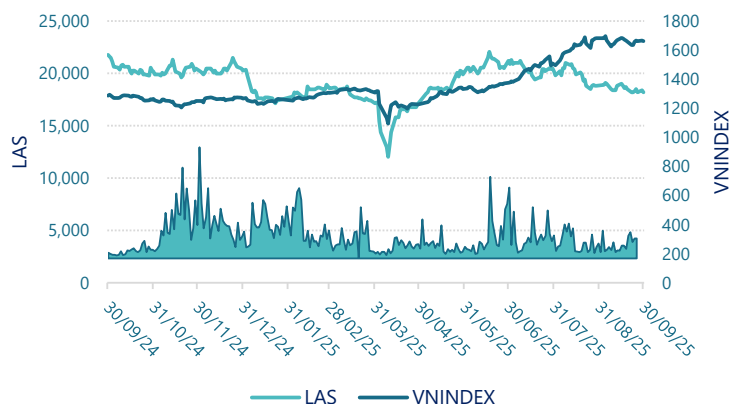


CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao (HNX: LAS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	18,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	22,063
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,026
SL cổ phiếu LH	112,856,400
KLGD BQ 20 phiên (CP)	304,465
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,054
P/E	12.8
EPS	1,419

DT thuần

Q3/25

708

tỷ VNĐ

QoQ: ▼374 | -34.6%

YoY: ▼104 | -12.8%

LN sau thuế

Q3/25

20.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼31.2 | -60.9%

YoY: ▼12.6 | -38.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

4.6%

+/- YoY: ▼ 0.9%

DT thuần

9T 2025

3,376

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 514 | 18.0%

LN sau thuế

9T 2025

143

tỷ VNĐ

YoY: ▼9.00 | -6.1%

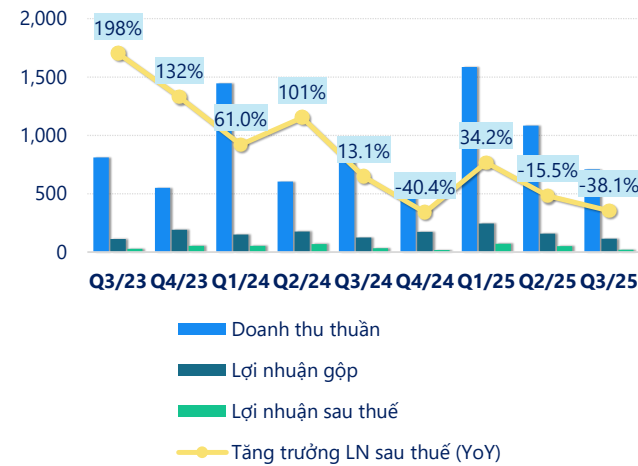
ROE

Q3/25

11.1%

+/- YoY: ▼ 3.7%

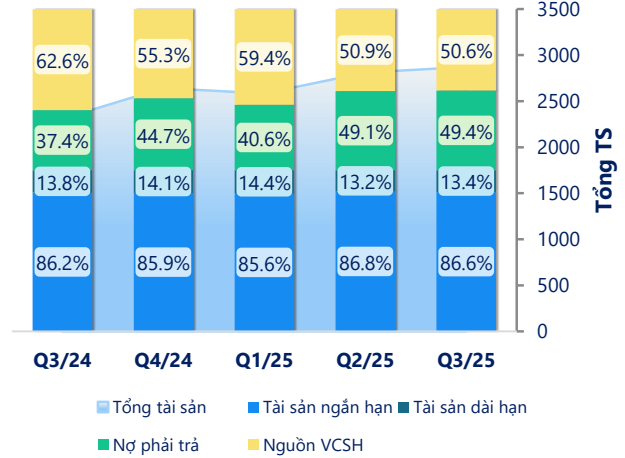
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh


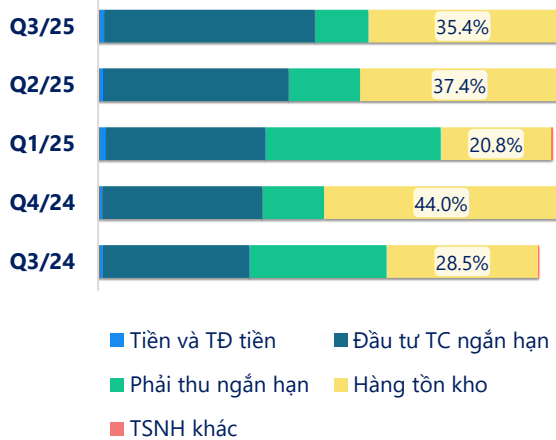
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

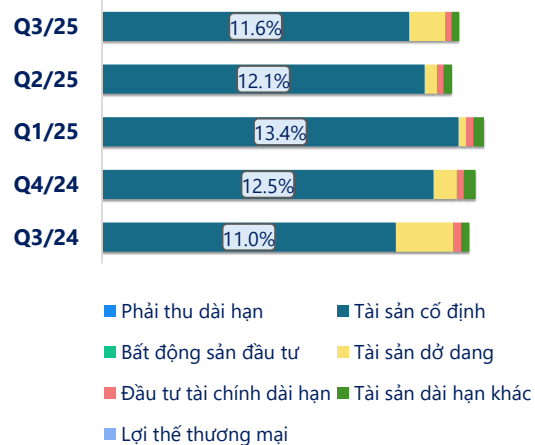
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

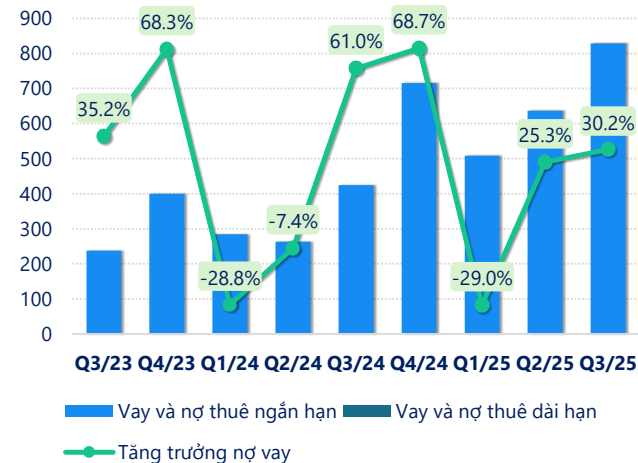
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS


(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS


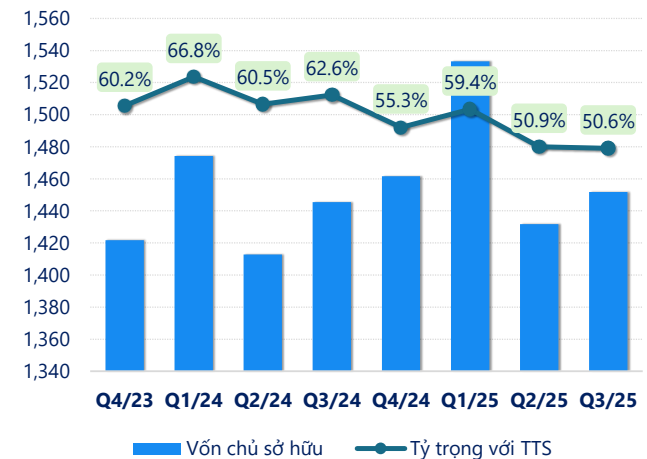
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay


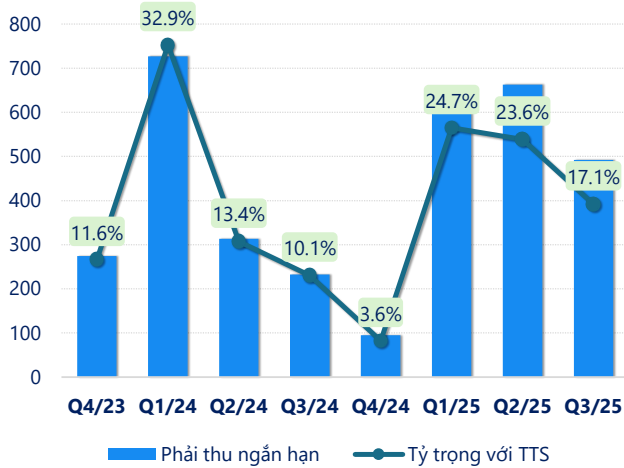
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu


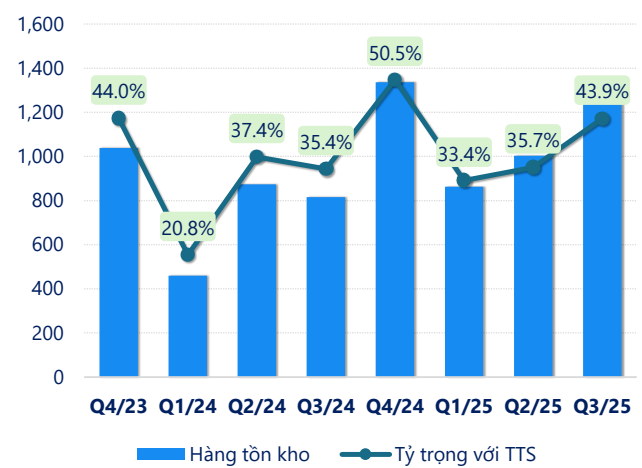
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


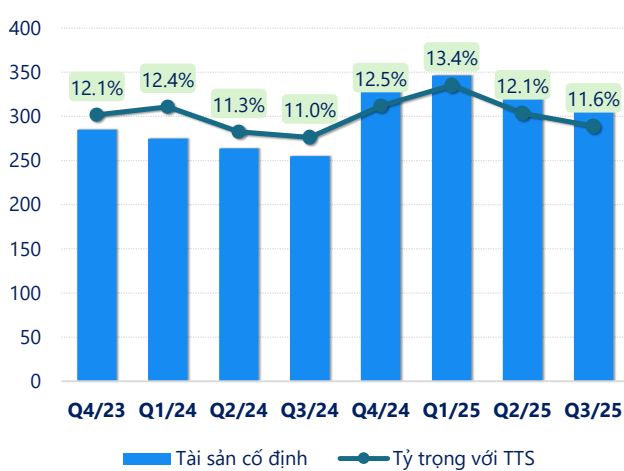
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


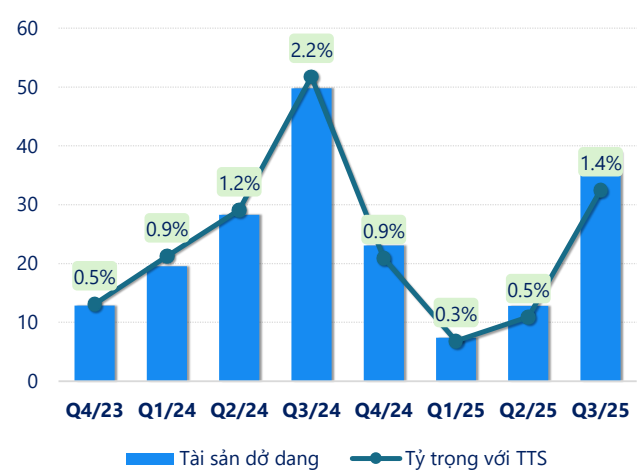
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

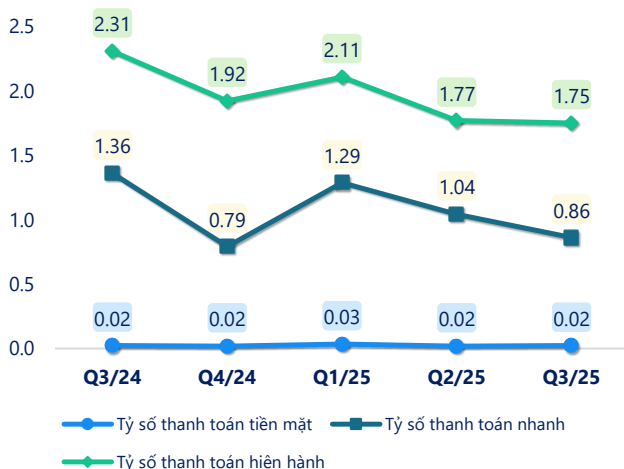
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

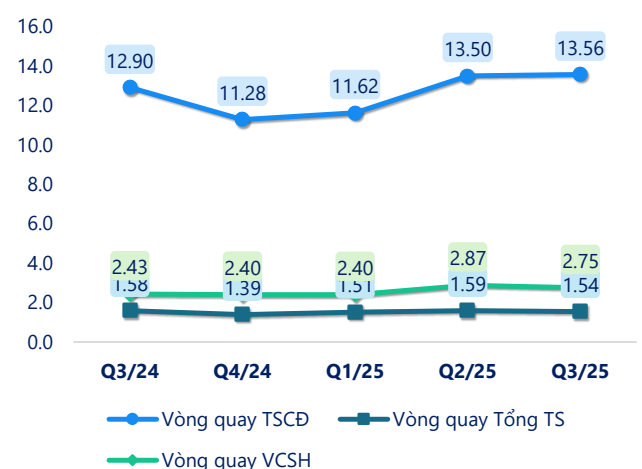
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	2,308	2,643	2,582	2,811	2,872
Tài sản ngắn hạn	1,989	2,271	2,211	2,441	2,486
Tiền và tương đương tiền	20.6	21.6	35.9	25.4	32.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	915	815	670	745	680
Phải thu ngắn hạn	233	95.2	638	663	492
Hàng tồn kho	816	1,336	862	1,003	1,262
Tài sản ngắn hạn khác	4.26	3.60	4.96	5.33	19.1
Tài sản dài hạn	319	371	371	370	386
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	255	330	346	341	332
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	49.8	23.1	7.37	12.8	38.9
Đầu tư tài chính dài hạn	6.84	6.84	6.84	6.84	6.84
Tài sản dài hạn khác	7.18	11.8	10.6	9.17	8.47
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	862	1,181	1,049	1,380	1,420
Nợ ngắn hạn	862	1,181	1,049	1,380	1,420
Vay và nợ thuê ngắn hạn	424	716	508	637	829
Phải trả người bán ngắn hạn	90.0	265	242	180	216
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,445	1,462	1,533	1,432	1,452
Vốn chủ sở hữu	1,445	1,462	1,533	1,432	1,452
Vốn điều lệ	1,129	1,129	1,129	1,129	1,129
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)